TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-ST
Ngày: 28/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Tỵ

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Thắng;

2/ Ông Lê Xuân Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*****:** Bà Phạm Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Sỹ Th, sinh năm 1973, tại tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Ấp Tân Th1, xã Tân Q, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Th2; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Sỹ Đ, sinh năm 1930 và bà Vũ Thị K, sinh năm 1933; vợ Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1975; bị cáo có 01 con sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/02/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Ấp Hòa C, xã Minh H, huyện D, tỉnh B1. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Huỳnh Trọng Kh, sinh năm 1965; hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, phường X, thành phố L, tỉnh Đ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Lê Dũng, sinh năm 1952; hộ khẩu thường trú: 123/14, Nguyễn Trung Trực, tổ 11, khu phố 4, phường X, thành phố L, tỉnh Đ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp T1, xã T2, huyện Th1, tỉnh Đ; chỗ ở hiện nay: 185/5E, ấp T3, xã T4, huyện H, Thành phố H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bà Nguyễn Thị T là chị dâu của Phạm Sỹ Th. Th thường xuyên đến nhà bà T chơi và ngủ lại nhà bà T. Ngày 20/02/2003, Th đưa vợ Th là Nguyễn Thị Tuyết Nh đến bệnh viện Từ Dũ - Thành phố H để sinh con. Do không đủ tiền đóng viện phí nên Th nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của bà T cầm lấy tiền đóng viện phí cho vợ.

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 21/02/2003, Th đi xe ôm từ Thành phố H đến nhà bà Tịnh ở ấp H, xã M, huyện D, tỉnh B. Để thực hiện ý định chiếm đoạt xe mô tô của bà T, Th ngủ lại và chơi ở nhà bà T, đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22/02/2003, Th nói với bà T "Chị cho em mượn chiếc xe mô tô ra tiệm mua cà phê về uống". Vì tin tưởng Th nên bà T giao xe mô tô hiệu Super Drem, màu sơn nâu, biển số 61H4 - 8463 và chìa khóa xe mô tô cho Th mượn. Th tự ý lấy giấy đăng ký xe mô tô để trên tủ thờ nhà bà T rồi điều khiển xe đến tiệm cầm đồ *(không xác định được tên và địa chỉ của tiệm cầm đồ)* thuộc quận G, Thành phố H để cầm xe mô tô của bà T. Th đưa giấy đăng ký xe cho chủ tiệm và nói dối với chủ tiệm là xe mô tô của vợ Th đứng tên, cần tiền đóng viện phí cho vợ nên muốn cầm xe. Chủ tiệm cầm đồ đồng ý và cầm xe mô tô với số tiền 3.000.000 đồng.

Sáng ngày 01/3/2003, Th đón xe đò tới nhà ông Phan Văn Q (Q là em rể của vợ Th) ở phường P, thành phố L, tỉnh Đ. Th nói với Q "*tao đang có chiếc xe mô tô mua của bà chị nhưng chưa sang tên, vợ tao sanh mổ bị nhiễm trùng phải cầm xe ở G, Thành phố H nhưng chỉ có 3.000.000 đồng không đủ trang trải thuốc men*", Th nhờ Q tìm chỗ khác cầm xe, Q đồng ý và dẫn Th tới quán cà phê Sao Mai, thuộc khu phố 3, phường X, thành phố L, tỉnh Đ gặp ông Lê D1 nhờ ông D1 tìm chỗ cầm xe. Th nói với ông D1 về việc vợ Th sinh con, phải mổ, bị nhiễm trùng, Th có chiếc xe mô tô đang cầm ở quận G, Thành phố H với số tiền 3.000.000 đồng, không đủ tiền trả tiền viện phí và mua thuốc cho vợ, Th nhờ ông D1 chuộc về tìm chỗ cầm xe

giá cao hơn và Th hứa sẽ cho ông D1 tiền uống cà phê. Ông D1 đồng ý và cùng Th đón xe đò đến tiệm cầm đồ ở quận G, Thành phố H chuộc lại xe mô tô mà Th đã cầm với số tiền 3.070.000 đồng.

Sau đó, ông D1 dẫn Th đến tiệm cầm đồ số 180 Trần Phú do ông Huỳnh Trọng Kh làm chủ ở địa chỉ khu Xuân Trung, thị trấn X, huyện L, tỉnh Đ *(nay là Khu phố 4, phường X, thành phố L, tỉnh Đ)*. Th đưa giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị T cho ông Kh xem và nói dối ông Kh nguồn gốc xe mô tô biển số 61H4 - 8463 là xe mô tô của Th mua nhưng do hộ khẩu của Th ở ngoài Bắc nên nhờ chị dâu tên Nguyễn Thị T đứng tên dùm. Th nói với ông Kh việc vợ Th mới sinh mổ bị nhiễm trùng không đủ tiền đóng viện phí và mua thuốc nên mới phải mang xe mô tô đi cầm. Ông Kh tin tưởng nên cầm xe mô tô biển số 61H4 - 8463 cho Th với tổng số tiền 9.500.000 đồng, Th cho ông D1 250.000 đồng, số tiền còn lại Th đóng viện phí cho vợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 01/3/2003, bà T làm đơn trình báo Công an về việc mất xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã ban hành Quyết định Khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can, Quyết định truy nã đối với Phạm Sỹ Th. Ngày 24/02/2022, Th bị bắt truy nã tại Công an huyện Th1, tỉnh Đ.

Bản kết luận định giá tài sản số: 21/KL-HĐĐG ngày 10/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Dầu Tiếng kết luận: Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 13.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với hành vi của ông Huỳnh Trọng Kh, ông Lê D1, ông Phan Văn Q là có căn cứ, vì những người này không biết xe mô tô biển số 61H4 - 8463 là tài sản do Th chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T.

* Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Sỹ Th không có.

* Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Sỹ Th đã nhờ gia đình tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại *(đã trả lại cho ông Huỳnh Trọng Kh số tiền 9.500.000 đồng)*, bị cáo Th phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị hại bà Nguyễn Thị T có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Sỹ Th. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Super Drem, màu sơn nâu, biển số 61H4 - 8463, số máy: 0043425, số khung: Y 043429;

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 0010549, mang tên Nguyễn Thị T;

- 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 141558344 mang tên Phạm Sỹ Th do Công an tỉnh H cấp ngày 02/6/1988;

- Tiền Việt Nam 250.000 đồng.

* Xử lý vật chứng:

Đối với: 01 (một) xe mô tô hiệu Super Drem, màu sơn nâu, biển số 61H4 - 8463, số máy: 0043425, số khung: Y 043429 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 0010549, mang tên Nguyễn Thị T, xác định là tài sản hợp pháp của bà T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại tài sản cho bà T theo Quyết định xử lý vật chứng số 43/QĐ ngày 11/6/2003.

Đối với 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 141558344 mang tên Phạm Sỹ Th, do Công an tỉnh H cấp ngày 02/6/1988. Xét thấy, giấy chứng minh này đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 250.000 đồng mà ông Lê D1 nộp lại, xét thấy đây là số tiền mà ông D1 nhận của bị cáo Th do phạm tội mà có, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị T đã nhận lại xe mô tô biển số 61H4 - 8463; Ông Huỳnh Trọng Kh đã nhận đủ số tiền 9.500.000 đồng, bà T và ông Kh không yêu cầu bị cáo Th bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết. Đối với số tiền mà bà Nh vợ bị cáo Th đã bỏ ra bồi thường cho ông Kh, bà Nh không yêu cầu bị cáo Th hoàn trả lại nên không xem xét, giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 30/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B đã truy tố bị cáo Phạm Sỹ Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Sỹ Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật

hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Sỹ Th từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Super Drem, màu sơ nâu, biển số 61H4-8463, số máy: 0043425, số khung: Y 043429 và một giấy đăng ký xe mô tô số 0010549, mang tên Nguyễn Thị T, quá trình điều tra xác định tài sản hợp pháp của bà T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại tài sản cho bà T theo Quyết định xử lý vật chứng số 43/QĐ ngày 11/6/2003 là phù hợp quy định của pháp luật nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 141558344 mang tên Phạm Sỹ Th, do Công an tỉnh H cấp ngày 02/6/1988. Xét thấy, giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Th đã hết hạn sử dụng theo quy định pháp luật nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 250.000 đồng mà ông Lê D1 nộp. Xét thấy, đây là số tiền mà ông D1 nhận của bị cáo Th do phạm tội mà có, nên đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

* Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T đã nhận lại xe mô tô biển số 61H4-8463; ông Huỳnh Trọng Kh đã nhận đủ số tiền 9.500.000 đồng, bà T và ông Kh không yêu cầu bị cáo Th bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

- Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh không yêu cầu bị cáo Th hoàn trả lại số tiền 9.500.000 đồng mà bà Nh đã bồi thường cho ông Huỳnh Trọng Kh thay cho bị cáo Th nên không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Sỹ Th thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo làm công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Sỹ Th khai nhận vào ngày 22/02/2003, bị cáo Th lợi dụng lòng tin của người thân, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là xe mô tô hiệu Super Drem, màu sơ nâu, biển số 61H4-8463, số máy: 0043425, số khung: Y 043429 và một giấy đăng ký xe mô tô số 0010549, mang tên Nguyễn Thị T để đem cầm lấy tiền đóng một phần viện phí cho vợ và tiêu xài cá nhân. Tài sản mà bị cáo Th chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản huyện D xác định tại kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTS ngày 10/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện D đối với xe mô tô hiệu Super Drem, màu sơ nâu, biển số 61H4-8463, số máy: 0043425, số khung: Y 043429 có giá trị là 13.000.000 đồng, bị cáo Th cũng thống nhất với kết luận định giá nêu trên nên bị cáo Th đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Lời khai của bị cáo Phạm Sỹ Th tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 30/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B đã truy tố bị cáo Phạm Sỹ Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Th là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tội phạm mà bị cáo Th thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo Th là nguy hiểm cho xã hội, về nhận thức bị cáo biết việc dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của người thân nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chỉ vì khó khăn trong cuộc sống không có tiền để đóng viện phí cho vợ khi sinh con, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Đối với hành vi cầm xe mô tô hiệu Super Drem, màu sơ nâu, biển số 61H4-8463, số máy: 0043425, số khung: Y 043429 và một giấy đăng ký xe mô tô số 0010549, mang tên Nguyễn Thị T của ông Huỳnh Trọng Kh do bị cáo Th phạm tội mà có nhưng quá trình điều tra xác định ông Kh không biết nên không xử lý hình sự đối với ông Kh là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với hành vi tìm người cầm chiếc xe mô tô hiệu Super Drem, màu sơ nâu, biển số 61H4-8463, số máy: 0043425, số khung: Y 043429 của ông Phan Văn Qúy

giúp bị cáo Th, ông Q không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do bị cáo Th phạm tội mà có. Đồng thời, ông Q cũng không được bị cáo Th cho tiền hoa hồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không xử lý hình sự đối với ông Q là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với hành vi môi giới cầm chiếc xe mô tô hiệu Super Drem, màu sơ nâu, biển số 61H4-8463, số máy: 0043425, số khung: Y 043429 và một giấy đăng ký xe mô tô số 0010549, mang tên Nguyễn Thị T của ông Lê D1 do bị cáo Th phạm tội mà có để được hưởng hoa hồng số tiền 250.000 đồng nhưng trong quá trình điều tra xác định ông D1 không biết, ông D1 cũng đã chủ động nộp lại số tiền 250.000 đồng thu lợi bất chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không xử lý hình sự đối với ông D1 là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần xử lý bị cáo Phạm Sỹ Th mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo Th đã thực hiện nhằm ổn định trật tự công cộng, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Hội đồng xét xử xem xét quyết định áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Th nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo Th trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Sỹ Th không có.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Phạm Sỹ Th có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít ngiêm trọng, bị cáo Th đã chủ động nhờ gia đình bồi thường số tiền 9.500.000 đồng cho ông Huỳnh Trọng Kh. Tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Super Drem, màu sơ nâu, biển số 61H4-8463, số máy: 0043425, số khung: Y 043429 và một giấy đăng ký xe mô tô số 0010549, mang tên Nguyễn Thị T đã được thu hồi và trao trả cho bị hại bà T, bị hại bà T có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th. Do đó, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Th.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt và điều luật đề nghị áp dụng đối với bị cáo Th là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 141558344 mang tên Phạm Sỹ Th, do Công an tỉnh H cấp ngày 02/6/1988. Xét thấy, giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Th đã hết hạn sử dụng theo quy định nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 250.000 đồng mà ông Lê D1 nộp. Xét thấy, đây là số tiền thu lợi bất chính mà ông D1 đã nhận của bị cáo Th do phạm tội mà có, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Sỹ Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Sỹ Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Sỹ Th 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2022.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 141558344 mang tên Phạm Sỹ Th do Công an tỉnh H1 cấp ngày 02/6/1988.

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/6/2022).

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0004269 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Sỹ Th phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/6/2022).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- Công an H. D;
- Chi cục THADS H. D;
- PV 06 - Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bi;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Long Tỵ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lê Văn Thắng

Lê Xuân Hiếu

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Long Tỵ